



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



P.T. KT Wm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài là công ty Nhà nước được thành lập bởi Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300540207, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần 05 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 38295794 - 38293513
Fax : (84-8) 38230439

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Hồ Trọng Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2011

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	Ngày 09 tháng 8 năm 2013
Ông Lương Thanh Điền	Thành viên	Ngày 09 tháng 8 năm 2013

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Tài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Tương Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015
Ông Phan Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2010
Bà Phan Thị Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Công Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2012
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Tài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Tương Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2016



Số: 0351/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để xem xét tính đúng đắn và hợp lý của các khoản phải trả, phải nộp khác có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 35.403.597.511 VND và 45.486.149.993 VND (xem thuyết minh V.18a) do Công ty chưa chi tiết được số dư theo từng đối tượng.
- Công ty hạch toán chi phí tiền thuê đất từ năm 2010 đến năm 2015 vào giá trị công trình xây dựng của dự án 64 Phố Đức Chính với tổng số tiền là 7.982.718.022 VND (xem thuyết minh V.10) thay vì phải hạch toán vào chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn hợp tác kinh doanh. Nếu Công ty ghi nhận khoản tiền trên theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay giảm đi 2.490.608.023 VND, đồng thời trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” cũng giảm số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.15 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về quỹ lương tạm trích như sau:

Quỹ tiền lương năm 2013 của Công ty chưa được duyệt, Công ty tạm trích theo Thông báo số 9059/SLĐTĐBXH-LĐ ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Sở Lao động thương binh và xã hội TP. Hồ Chí Minh về việc giao đơn giá tiền lương năm 2012 cho Công ty với đơn giá là 282 VND/1.000 VND doanh thu thuần và lương thuê ngoài sẽ quyết toán theo số thực chi.

Quỹ tiền lương năm 2014 của Công ty tạm trích theo Tờ trình số 387/FOSCO-TCKT và 388/FOSCO-TCKT ngày 16 tháng 6 năm 2015 được duyệt bởi Ban Tổng Giám đốc.

Quỹ tiền lương năm 2015, Công ty tạm trích theo Phiếu trình được duyệt bởi Tổng Giám đốc ngày 21 tháng 01 năm 2016.

Khi quỹ lương năm 2013, 2014 và 2015 được duyệt chính thức sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2013, 2014 và năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Mai Xuân Phương - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2806-2014-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.620.800.403	335.449.120.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.726.868.993	306.117.729.302
1. Tiền	111		18.726.868.993	19.565.729.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	286.552.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		195.700.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	195.700.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.842.028.268	28.870.851.138
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.349.263.082	3.903.668.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.180.270.976	21.252.067.138
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.817.954.938	4.107.700.953
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(505.460.728)	(392.585.358)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.351.903.142	460.539.891
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.351.903.142	460.539.891
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.027.309.654	96.180.770.119
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		300.000.000	300.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	300.000.000	300.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.097.624.047	2.680.745.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.097.624.047	2.641.431.701
- Nguyên giá	222		45.475.863.850	44.962.916.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.378.239.803)	(42.321.484.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	39.313.422
- Nguyên giá	228		485.621.070	485.621.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(485.621.070)	(446.307.648)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	8.398.193.621	8.716.789.850
- Nguyên giá	231		47.983.995.349	46.825.164.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39.585.801.728)	(38.108.374.732)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		86.010.206.287	83.819.378.023
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	86.010.206.287	83.819.378.023
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		53.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	53.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		221.285.699	663.857.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	221.285.699	663.857.123
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		430.648.110.057	431.629.890.450

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		121.147.992.556	137.411.873.344
I. Nợ ngắn hạn		310		64.549.800.459	85.190.607.216
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.12	387.286.291	1.037.091.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.13	84.000.000	52.940.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.14	191.958.203	6.271.181.458
4. Phải trả người lao động		314	V.15	3.511.307.983	507.601.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.16	4.727.987.150	19.280.200.430
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	V.17	5.829.906.393	5.589.520.579
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.18a	47.224.423.824	37.175.853.867
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.19	2.592.930.615	15.276.218.253
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		56.598.192.097	52.221.266.128
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.18b	55.494.052.123	52.221.266.128
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	V.20	1.104.139.974	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.500.117.501	294.218.017.106
I. Vốn chủ sở hữu	410		309.500.117.501	294.218.017.106
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	230.601.000.000	230.601.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	71.424.420.004	61.694.318.643
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	7.474.697.497	1.922.698.463
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.959.603.332	1.922.698.463
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.515.094.165	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		430.648.110.057	431.629.890.450

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016


 Nguyễn Thị Đoàn Trang
 Người lập biểu


 Vũ Thanh Hoàng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Tương Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.237.795.370	122.138.150.592
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	208.915.161	148.622.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.028.880.209	121.989.527.865
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	11.248.011.788	16.208.764.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.780.868.421	105.780.763.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	15.290.289.892	17.573.065.311
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	88.266.260.491	81.477.952.334
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.804.897.822	41.875.876.122
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.646.217.701	6.152.438.418
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.263.877.929	2.737.447.819
13. Lợi nhuận khác	40		(617.660.228)	3.414.990.599
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.187.237.594	45.290.866.721
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	7.854.115.682	15.808.898.121
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.333.121.912	29.481.968.600

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Người lập biểu

Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Tương Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44.187.237.594	45.290.866.721
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7; V.8; V.9	2.573.495.243	3.474.937.609
- Các khoản dự phòng	03	V.6	112.875.370	164.635.613
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(13.873.912.592)	(17.284.625.848)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.19	1.104.139.974	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.103.835.589	31.645.814.095
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.681.772.605)	588.852.957
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.463.550.772	(11.451.308.524)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		442.571.424	442.571.424
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(17.945.617.997)	(12.408.004.077)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.936.703.825
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19; V.21	(11.131.440.880)	(5.277.850.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.251.126.303	6.476.778.977
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7; V.9; V.10; VII	(919.387.783)	(2.050.896.304)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(248.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	30.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4; V.5a	11.580.269.446	19.214.574.834
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(238.039.118.337)	47.163.678.530

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

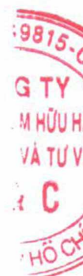
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(22.602.868.275)	(27.001.780.399)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(22.602.868.275)</i>	<i>(27.001.780.399)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(257.390.860.309)	26.638.677.108
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	306.117.729.302	279.479.052.194
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	48.726.868.993	306.117.729.302

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Người lập biểuVũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởngNguyễn Trương Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ cho cơ quan nước ngoài (cho thuê nhà và thuê lao động); Cho thuê nhà; Giáo dục mầm non; Giáo dục bậc tiểu học; Dịch vụ giới thiệu việc làm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp kinh doanh cao ốc văn phòng (FOS1)	Số 6, đường Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp kinh doanh căn hộ văn phòng (FOS2)	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Giao dịch thương mại quốc tế (FBC)	Số 23, đường Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp kinh doanh nhà	Số 124, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trường quốc tế FOSCO	Số 40, đường Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm cung ứng lao động	Số 124, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng – Sửa chữa và Trang trí nội thất	Số 35Bis Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 233 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 241 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chỉ bao gồm các chi phí công cụ, dụng cụ xuất sử dụng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình chỉ bao gồm chi phí liên quan phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm

06 - 25

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.035.173.069	105.050.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.691.695.924	19.460.678.340
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	286.552.000.000
Cộng	48.726.868.993	306.117.729.302

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn			-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng	195.700.000.000	195.700.000.000	-	-
Dài hạn			-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	53.000.000.000	53.000.000.000	-	-
Cộng	248.700.000.000	248.700.000.000	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bộ ngoại giao	1.898.500.000	-
Công ty liên doanh Tổng hợp Lâm Hà (30.000 USD) ⁽ⁱ⁾	672.900.000	641.400.000
Công ty cổ phần thời trang Sơn Kim	507.150.000	612.150.000
Công ty cổ phần Hualon Việt Nam	310.800.000	310.800.000
Các khách hàng khác	1.959.913.082	2.339.318.405
Cộng	5.349.263.082	3.903.668.405

⁽ⁱ⁾ Xem thuyết minh V.18.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng số 14	20.600.000.000	20.600.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng địa ốc Duy Điền	-	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	580.270.976	552.067.138
Cộng	21.180.270.976	21.252.067.138

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tiền lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	4.737.848.194	-	2.444.205.048	-
Tạm ứng	635.800.000	-	1.452.800.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	267.306.744	-	55.395.905	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	177.000.000	-	155.300.000	-
Cộng	5.817.954.938	-	4.107.700.953	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ dịch vụ việc làm.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần thời trang Sơn Kim						
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	507.150.000	253.575.000	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	507.150.000	355.005.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	355.955.015	104.069.287	-	283.148.906	42.708.548
Cộng		863.105.015	357.644.287		790.298.906	397.713.548

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	392.585.358
Trích lập dự phòng bổ sung	112.875.370
Số cuối năm	505.460.728

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.046.562.418	10.982.980.616	6.724.803.345	208.570.300	44.962.916.679
Mua trong năm	-	192.255.000	83.932.500	-	276.187.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	236.759.671	-	-	236.759.671
Số cuối năm	27.046.562.418	11.411.995.287	6.808.735.845	208.570.300	45.475.863.850
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.149.861.469	10.726.352.972	5.605.689.616	105.011.800	41.586.915.857
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	25.323.952.652	10.695.978.826	6.151.344.740	150.208.760	42.321.484.978
Khấu hao trong năm	600.839.263	234.983.398	209.220.464	11.711.700	1.056.754.825
Số cuối năm	25.924.791.915	10.930.962.224	6.360.565.204	161.920.460	43.378.239.803
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.722.609.766	287.001.790	573.458.605	58.361.540	2.641.431.701
Số cuối năm	1.121.770.503	481.033.063	448.170.641	46.649.840	2.097.624.047
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình của Công ty chỉ bao gồm chi phí liên quan phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	485.621.070	446.307.648	39.313.422
Tăng trong năm	-	39.313.422	-
Số cuối năm	485.621.070	485.621.070	-

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn
sử dụng

485.621.070

9. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	46.825.164.582	38.108.374.732	8.716.789.850
Tăng trong năm	1.158.830.767	1.477.426.996	-
Số cuối năm	47.983.995.349	39.585.801.728	8.398.193.621

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.654.016.809 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	236.759.671	(236.759.671)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	83.819.378.023	3.930.764.709	(1.109.771.945)	(630.164.500)	86.010.206.287
Dự án 64 Phố Đức Chính (*)	82.573.235.156	3.004.128.219	-	-	85.577.363.375
Công trình phần mềm trang bị cho trung tâm cung ứng lao động	630.164.500	-	-	(630.164.500)	-
Công trình Khách sạn Quảng trường Quốc tế 39 Nguyễn Thị Minh Khai	188.488.183	-	-	-	188.488.183
Các công trình khác	427.490.184	926.636.490	(1.109.771.945)	-	244.354.729
Cộng	83.819.378.023	4.167.524.380	(1.346.531.616)	(630.164.500)	86.010.206.287

(*) Trong đó tổng chi phí tiền thuê hàng năm đất mà Công ty đưa vào giá trị công trình tính lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 7.982.718.022 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn
Là chi phí công cụ, dụng cụ có thời gian phân bổ 03 năm.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng địa ốc Duy Điền	33.420.800	451.392.427
Công ty TNHH xây dựng trang trí nội thất thương mại Hưng Thịnh Phát	150.165.165	315.447.233
Công ty TNHH xây dựng thương mại HDC	150.786.778	129.418.648
Các nhà cung cấp khác (*)	52.913.548	140.832.707
Cộng	387.286.291	1.037.091.015

(*) Có một số công nợ phải trả nhà cung cấp phát sinh từ năm 2006 đến năm nay với tổng giá trị khoảng 27.220.629 VND do Công ty giữ lại phí bảo hành công trình.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Cơ quan đại diện thương mại Liên bang Nga tại TP. Hồ Chí Minh	84.000.000	-
Các khách hàng khác	-	52.940.014
Cộng	84.000.000	52.940.014

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	52.608.777	-	8.037.588.851	(7.898.239.425)	191.958.203	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.218.572.681	-	7.854.115.682	(17.945.617.997)	-	3.872.929.634
Thuế thu nhập cá nhân	-	460.539.891	1.027.342.104	(1.045.775.721)	-	478.973.508
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	-	-	123.108.636.872	(123.108.636.872)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	46.337.003.597	(46.337.003.597)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	64.228.556	(64.228.556)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Cộng	6.271.181.458	460.539.891	186.439.915.662	(196.410.502.168)	191.958.203	4.351.903.142

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động trường học không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng	Không chịu thuế
- Tiền nước	05%
- Cho thuê nhà, hoạt động ủy thác, tiền điện, điện thoại	10%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.187.237.594	45.290.866.721
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.334.293.437	34.096.860.409
- Các khoản điều chỉnh giảm	(16.821.005.203)	(8.376.615.875)
Thu nhập chịu thuế	35.700.525.828	71.011.111.255
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.854.115.682	15.622.444.476
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	186.453.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.854.115.682	15.808.898.121

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương thực hiện thuộc năm tài chính 2013, 2014 của viên chức quản lý và người lao động chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quyết toán, do đó Công ty chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện quyết toán Quỹ tiền lương năm 2015 của viên chức quản lý và người lao động theo đúng quy định.

Do đó, Công ty tạm trích quỹ tiền lương viên chức quản lý doanh nghiệp và quỹ tiền lương đơn giá thực hiện của người lao động năm 2015 theo Phiếu trình phê duyệt của Tổng Giám đốc ngày 21 tháng 01 năm 2016 và lương thuê ngoài sẽ quyết toán theo số thực chi, cụ thể như sau:

a) *Quỹ tiền lương tạm trích của người lao động trong năm tài chính 2015*

9.449.000 đồng/người/tháng x 225 người x 12 tháng = 25.512.300.000 VND

Trong đó: tiền lương bình quân tạm trích năm 2015: 9.449.000 đồng/người/tháng (bằng đơn giá tiền lương bình quân tạm tính của năm 2014).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Quỹ tiền lương tạm trích của viên chức quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính 2015

20.008.219 đồng/người/tháng x 88/12 x 12 tháng = 1.760.723.272 đồng

Trong đó: tiền lương bình quân tạm trích 2015: 20.008.219 đồng/người/tháng (do Công ty không hoàn thành kế hoạch kinh doanh).

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Trích trước tiền thuê đất	4.454.777.900	19.195.200.430
Trợ cấp thôi việc	108.209.250	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	165.000.000	85.000.000
Cộng	4.727.987.150	19.280.200.430

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân		
Tiền học phí	5.209.078.992	5.015.498.311
Tiền thuê nhà	562.409.454	482.984.392
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	58.417.947	91.037.876
Cộng	5.829.906.393	5.589.520.579

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	389.773.831	489.456.356
Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh - Tiền nhà 101 Pasteur (60.000USD) ⁽ⁱ⁾	1.348.500.000	1.282.800.000
Các khoản phải trả chưa rõ nội dung, hóa đơn	45.486.149.993	35.403.597.511
Cộng	47.224.423.824	37.175.853.867

- (i) Tổng Lãnh sự quán Vương Quốc Anh phải trả tiền thuê nhà số 101, đường Pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh cho Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 60.000 USD. Cục thống kê đã ủy quyền cho Công ty đại diện thu hộ tiền thuê nhà, khi thu đủ 60.000USD sẽ chuyển trả lại cho Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, thì Công ty đã thu được 30.000 USD và đang theo dõi đối tượng Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh, 30.000 USD còn lại Tổng Lãnh Sự quán Vương Quốc Anh đã căn trừ công nợ với Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà do Tổng lãnh sự quán Vương Quốc Anh đã trả cho Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà tiền thuê nhà 30.000 USD. Khi Công ty nhận được công văn số 2392/CV-UB-KT ngày 26 tháng 6 năm 1998 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty đại diện thu công nợ từ Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà, Công ty phát giấy báo thu nợ và ghi nhận vừa công nợ phải thu Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà là 30.000 USD và phải trả Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh 30.000 USD. Do đó, tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty ghi nhận công nợ phải trả Cục thống kê là 60.000 USD và phải thu Công ty liên doanh tổng hợp Lâm Hà 30.000 USD.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô - Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phó Đức Chính	28.022.798.027	27.679.990.139
Công ty TNHH Minh Long - Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phó Đức Chính	16.842.316.416	15.965.664.578
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.628.937.680	8.575.611.411
Cộng	55.494.052.123	52.221.266.128

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Hoàn nhập quỹ do điều chỉnh lợi nhuận	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.709.985.583	(2.438.765.790)	(1.605.883.411)	665.336.382
Quỹ phúc lợi	9.980.776.217	(7.769.758.736)	(373.626.750)	1.837.390.731
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	585.456.453	(283.252.951)	(212.000.000)	90.203.502
Cộng	15.276.218.253	(10.491.777.477)	(2.191.510.161)	2.592.930.615

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thực hiện theo Công văn 990/UBND-CNN ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ cho năm tài chính 2015 với tỷ lệ 3% trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số đầu năm	-
Trích lập quỹ	1.104.139.974
Số cuối năm	1.104.139.974

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	144.921.994.528	20.000.000.000	134.264.754.029	299.186.748.557
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	85.679.005.472	(85.679.005.472)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	29.481.968.600	29.481.968.600
Trích lập các quỹ	-	112.670.909.148	(132.529.609.597)	(19.858.700.449)
Chuyển lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	(27.001.780.399)	(27.001.780.399)
Trả lãi hợp tác kinh doanh	-	-	(595.661.314)	(595.661.314)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chuyển nguồn theo báo cáo Chi cục tài chính 2012	-	13.005.442.112	-	13.005.442.112
Điều chỉnh theo báo cáo Chi cục tài chính 2012	-	(1)	-	(1)
Điều chỉnh hồi tố do điều chỉnh lợi nhuận năm 2014	-	1.696.972.856	(1.696.972.856)	-
Số dư cuối năm trước	230.601.000.000	61.694.318.643	1.922.698.463	294.218.017.106
Số dư đầu năm nay	230.601.000.000	61.694.318.643	1.922.698.463	294.218.017.106
Lợi nhuận trong năm	-	-	36.333.121.912	36.333.121.912
Trích lập các quỹ	-	9.730.101.361	(7.538.591.200)	2.191.510.161
Chuyển lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	(22.602.868.275)	(22.602.868.275)
Trả lãi hợp tác kinh doanh	-	-	(639.663.403)	(639.663.403)
Số dư cuối năm nay	230.601.000.000	71.424.420.004	7.474.697.497	309.500.117.501

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư tiền có gốc ngoại tệ là 85.593,67 USD (số đầu năm là 513.594,45 USD).

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Sundland	-	402.130.504	-	402.130.504	Không có khả năng thu hồi
Milcon Gulf	-	299.493.359	-	299.493.359	Không có khả năng thu hồi
Independent Seafoods	-	287.092.000	-	287.092.000	Không có khả năng thu hồi
Hwei Lee Precision	-	3.854.900	-	3.854.900	Không có khả năng thu hồi
Wendy Huỳnh Như Nguyễn	-	20.933.744	-	20.933.744	Không có khả năng thu hồi
Cộng		1.013.504.507		1.013.504.507	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê nhà ⁽ⁱ⁾	72.311.148.957	68.701.503.886
Doanh thu dạy học, nuôi dạy trẻ	29.230.245.265	27.259.876.651
Doanh thu phí dịch vụ trả lương	18.707.174.780	17.970.743.938
Doanh thu điện, điện thoại, nước thu chi hộ	7.807.455.359	7.170.788.825
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhà	49.267.636	44.686.525
Doanh thu khác	1.132.503.373	990.550.767
Cộng	129.237.795.370	122.138.150.592

Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	72.311.148.957	68.701.503.886
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(30.768.785.091)	(22.304.449.630)
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	41.542.363.866	46.397.054.256

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hoàn trả học phí	163.896.979	148.622.727
Giảm tiền thuê nhà	45.018.182	-
Cộng	208.915.161	148.622.727

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Phí dịch vụ hoạt động trường học	5.702.234.543	5.272.012.128
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà	5.545.777.245	10.936.752.592
Cộng	11.248.011.788	16.208.764.720

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.873.912.592	17.284.625.848
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	131.391.885	134.798.509
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.284.985.415	153.640.954
Cộng	15.290.289.892	17.573.065.311

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	36.741.090.553	40.655.612.194
Chi phí vật liệu quản lý	1.847.512.955	2.062.020.723
Chi phí đồ dùng văn phòng	335.797.906	227.175.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.573.495.243	3.474.937.609
Thuế, phí và lệ phí	28.195.289.848	18.829.512.021
Dự phòng phải thu khó đòi	112.875.370	402.962.301
Chi phí điện, nước, điện thoại	9.629.969.422	8.880.042.526
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.104.139.974	-
Các chi phí khác	7.726.089.220	6.945.689.373
Cộng	88.266.260.491	81.477.952.334

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu kinh phí ngoại giao	2.600.000.000	2.600.000.000
Xử lý công nợ phải trả tồn lâu	-	246.022.832
Xử lý công nợ phải trả không xác định được đối tượng	-	2.957.264.534
Các khoản khác	46.217.701	349.151.052
Cộng	2.646.217.701	6.152.438.418

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi hoạt động ngoại giao	2.600.000.000	2.600.000.000
Phần mềm máy tính Trung tâm CULD	630.164.500	-
Chi phí khác	33.713.429	137.447.819
Cộng	3.263.877.929	2.737.447.819

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.183.310.861	2.289.196.310
Chi phí nhân công	36.741.090.553	40.655.612.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.573.495.243	3.474.937.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.877.981.210	25.088.807.246
Chi phí khác	37.138.394.412	28.467.360.005
Cộng	99.514.272.279	97.686.717.054

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Nợ phải thu và phải trả liên quan đến tài sản cố định và xây dựng cơ bản như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản	20.600.000.000	20.954.888.436
Trích trước chi phí cho công trình xây dựng cơ bản	2.943.218.419	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.280.951.252 VND (năm trước là 1.830.125.904 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Số liệu so sánh

2a. *Áp dụng Chế độ kế toán mới*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	2.654.900.953	1.452.800.000	4.107.700.953
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.452.800.000	(1.452.800.000)	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	216	-	300.000.000	300.000.000
Tài sản dài hạn khác	268	300.000.000	(300.000.000)	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	5.589.520.579	5.589.520.579
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.589.520.579	(5.589.520.579)	-

2c. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố chi phí lương

Số liệu so sánh năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo Tờ trình 387,388 ngày 16 tháng 6 năm 2015 về việc tạm điều chỉnh quỹ lương năm 2014 như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.465.185.206	4.805.996.252	6.271.181.458
Phải trả người lao động	314	7.759.622.354	(7.252.020.754)	507.601.600
Quỹ đầu tư phát triển	418	59.997.345.787	1.696.972.856	61.694.318.643
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	421a	1.173.646.817	749.051.646	1.922.698.463
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	88.729.973.088	(7.252.020.754)	81.477.952.334
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	11.002.901.869	4.805.996.252	15.808.898.121

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4. Các thông tin bổ sung về hợp đồng hợp tác kinh doanh

a) Hợp đồng hợp tác cùng khai thác ngôi nhà tại 35B Phùng Khắc Khoan, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Một số nội dung chính của Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12 tháng 01 năm 1996 và các Phụ lục kèm theo giữa Công ty thủy sản Chiến Thắng và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài:

- Hai bên thoán thuận cùng góp vốn hợp tác khai thác ngôi nhà 35B Phùng Khắc Khoan, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giá trị ngôi nhà theo hiện trạng cùng mặt bằng đang sử dụng được xác định để hợp tác kinh doanh là 1.000.000 USD. Thời gian hợp tác là 20 năm, kể từ ngày 02 tháng 3 năm 1996.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Mỗi bên đồng ý góp vốn hợp tác với giá trị được xác định như sau:
 - + Công ty thủy sản Chiến Thắng đồng ý góp vốn hợp tác bằng 50% giá trị (500.000 USD) và chuyển nhượng quyền cùng khai thác cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài 50% giá trị còn lại.
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài đồng ý thanh toán phần được chuyển nhượng là 500.000 USD cho Công ty thủy sản Chiến Thắng.
- Hai bên đồng ý góp vốn với tỷ lệ tham gia theo khả năng của mỗi bên để tiến hành đầu tư sửa chữa, nâng cấp, trang bị ngôi nhà và mặt bằng trên cơ sở dự toán và quyết toán sẽ được 2 bên thỏa thuận.
- Thu nhập hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn tham gia hợp tác của mỗi bên, gồm vốn góp trên giá trị nhà và vốn tham gia đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà. Tỷ lệ phân chia theo Phụ lục ngày 28 tháng 7 năm 1999 là:

+ Công ty thủy sản Chiến Thắng	:	46,17%
+ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài	:	53,83%
- Chi phí quản lý của mỗi bên là:
 - + Công ty thủy sản Chiến Thắng: 10% (doanh thu thuần - chi phí trang bị ban đầu, hoa hồng, chi phí chung)
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài: 30% (doanh thu thuần - chi phí trang bị ban đầu, hoa hồng, chi phí chung)
- Hết thời hạn hợp đồng, toàn bộ nhà thuê cùng các trang bị cố định gắn liền với nhà được giao nguyên trạng cho Công ty thủy sản Chiến Thắng.

Ngôi nhà này được khấu hao trong vòng 40 năm để đến hết thời hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh thì giá trị còn lại sẽ tương ứng với vốn liên doanh và Công ty sẽ chuyển trả lại cho Công ty thủy sản Chiến Thắng.

b) *Hợp đồng hợp tác xây dựng cao ốc trung tâm giao dịch thương mại quốc tế FOSCO tại số 64 Phố Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

Một số nội dung chính của Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh ngày 10 tháng 6 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo giữa Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài với Công ty cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô và Công ty TNHH Minh Long:

- Mỗi bên đồng ý góp vốn hợp tác với giá trị được xác định như sau:
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài đồng ý góp 40% tổng số vốn đầu tư.
 - + Công ty cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô đồng ý góp 38% tổng số vốn đầu tư.
 - + Công ty TNHH Minh Long đồng ý góp 22% tổng số vốn đầu tư.
- Thời hạn hợp tác của các bên theo Hợp đồng là 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10 tháng 6 năm 2055.

Thu nhập hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn tham gia hợp tác của mỗi bên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Thị Đoàn Trang
Người lập biểu



Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Minh
Tổng Giám đốc